**BÀI 52: DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách tính diện tích hình tam giác và vận dụng được còng thức tính diện tích hình tam giác trong một so tinh huống cụ thê có liên quan.

- Thông qua việc tính diện tích hĩnh tam giác và thực hành, vận dụng đe giãi quyết vấn đề trong một số tình huống cụ the có liên quan, HS có cơ hội được phát triển NL giai quyết vân đe toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sừ dụng ngôn ngừ toán học đè diễn tà cách tính, trao dôi, chia sẻ nhỏm, HS có cơ hội dược phát triển NL giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

- SGK, SGV Toán 5 tập 2 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Bảng con.

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu (5 phút)** | |
| - GV tổ chức chơi trò chơi: Hộp quà bí mật. Lần lượt HS chọn hộp quà để mở ra. Mỗi hộp sẽ có các hình tam giác khác nhau, mời HS nếu đường cao và đáy tương ứng.  - GV móc nối, giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi. |
| **B. Hoạt động thực hành luyện tập**  \*Mục tiêu:  - Biết cách tính diện tích hình tam giác và vận dụng được còng thức tính diện tích hình tam giác trong một số tinh huống cụ thê có liên quan. | |
| **Bài 2:**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV cho HS làm bài tập vào vở bài tập.  - GV mời HS báo cáo kết quả theo hình thức nối tiếp, mỗi bạn nêu 1 hình.  - GV hỏi: Khi độ dài đáy và đường cao không cùng một đơn vị đo ta làm thế nào?  - GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương HS.  **Bài 3:**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV cho HS làm bài tập theo nhóm đôi, mời 2 nhóm thực hiện vào bảng phụ.  - GV mời đại diện các nhóm lên báo cáo.  - GV hỏi HS: Đường cao của tam giác vuông trong bài tập này có điều gì đặc biệt?  - GV lưu ý cho HS về cách tính diện tích của tam giác vuông.  - GV nhận xét, tổng kết.  **Bài 4:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 để tìm ra cách giải.  - GV mời các nhóm báo cáo.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - GV hỏi mở rộng:  + Đây là tam giác gì?  + Đường cao của tam giác này có điều gì đặc biệt?  + Ta có thể có mấy cách tính diện tích tam giác này?  + Mời HS chỉ rõ đáy của tam giác trên.  - GV tổng kết: Công thức tính diện tích cùa hình tam giác luôn đủng trong cá trường hợp hình lam giác là lam giác tù. | - HS đọc yêu cầu đầu bài.  - HS làm bài.  - HS báo cáo nối tiếp. Các HS lắng nghe.  - HS trả lời: ta cần đổi đơn vị đo trước khi thực hành tính.  - HS đọc yêu cầu đầu bài.  - HS thảo luận, thực hiện bài tập.  - Các nhóm lên báo cáo.  - HS trả lời: hai cạnh của tam giác vuông là chiều cao và đáy tương ứng.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo.  - HS trả lời:  + Đây là tam giác tù.  + Đường cao nằm ngoài tam giác.  + Ta có thể tính bằng 2 cách đó là: đếm số ô vuông hoặc đi tìm đường cao, đáy tương ứng và tính bằng công thức tính diện tích tam giác đã học.  + Một HS lên chỉ và nêu rõ vì sao lại như vậy.  - HS lắng nghe. |
| **C. Hoạt động vận dụng**  \*Mục tiêu  - Vận dụng quy tắc và công thức tính diện tích hình tam giác vào giải các bài toán thực tế. | |
| **Bài 5:**  - GV mời HS đọc yêu cầu đầu bài.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở bài tập.  - Mời 1-2 HS báo cáo kết quả bài làm.  - GV nhận xét, tổng kết. | - HS đọc yêu cầu đầu bài.  - HS làm bài.  - HS thực hiện.  *Bài giải*  Điện tích tờ giấy hình vuông có cạnh 20 cm là:  20x20 = 400 (cm2)  Diện tích giấy đê làm miệng là:   1. X 12 = 36 (cm2)   Diện tích giấy dè làm hai mắt là:  (8 X 8): 2 X 2 = 64 (cm2)  Tông diện tích giây đê làm mat và miệng là:  36 + 64= 100 (cm2)  Diện tích phản còn lại của tờ giấy là: 400-100 = 300 (cm2) Dáp số: 300 cm2. |
| **D. Củng cố và nối tiếp (2 phút)** | |
| - Qua bãi học hỏm nay, các cm biết thêm được điều gì? Em nhắn bạn cần lưu ý nhừng gì?  - Liên hệ vè nhà, em hãy tìm tình huông thực tê liên quan đến bài đã học. | - HS phát biểu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………